

KẾ HOẠCH

Thực hiện mục tiêu chất lượng năm học 2017 - 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định 1234/QĐ-ĐHH, ngày 01/8/2017)

Mục tiêu	Nội dung Mục tiêu chất lượng	Nhiệm vụ và biện pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Thời hạn cuối	Yêu cầu hồ sơ
1.1	Tuyển sinh năm 2017 đạt 100% chỉ tiêu theo kế hoạch.	- Kế hoạch tuyển sinh năm 2017; - Quyết định giao chỉ tiêu của Bộ. - Kế hoạch tuyên truyền tuyển sinh; - Giải pháp tuyên truyền TS của các khoa. - QĐ sinh viên, học viên và NCS nhập học năm 2017.	P. QLĐT; P. QLĐT SDH; TT. GDTX.	Tháng 01/2018	QĐ công nhận sinh viên, học viên của trường.
1.2	Mở mới được ít nhất 01 ngành, chuyên ngành đào tạo.	- Xác định ngành, chuyên ngành đào tạo mở mới; - Lập đề án mở ngành ĐT mới, - Xây dựng CTĐT và chuẩn bị các điều kiện; - Đề nghị Bộ GD&ĐT.	P. QLĐT, P. QLĐT SDH	Trong năm	QĐ mở ngành ĐT mới
2.1	100% CTĐT được rà soát, điều chỉnh và tổ chức đào tạo theo định hướng ứng dụng, đảm bảo tính liên thông, khoa học, hiện đại.	- Kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp; - Báo cáo kết quả rà soát của khoa; - QĐ thành lập các ban biên soạn sau rà soát; - QĐ ban hành các CTĐT đã chỉnh sửa	- P. QLĐT; - Khoa, Bộ môn;	Trong năm học	- Kế hoạch tổ chức ĐT theo CT, ĐCHP; - Báo cáo kết quả thực hiện - QĐ ban hành CTĐT.
2.2	100% ĐCCTHP được rà soát, bổ sung, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu nội dung chương trình đào tạo, đặc biệt là điều chỉnh danh mục giáo trình tài liệu;	- Kế hoạch rà soát, điều chỉnh ĐCCTHP phù hợp với CTĐT; - Báo cáo kết quả rà soát ở các khoa, bộ môn; - ĐCCTHP được điều chỉnh sau rà soát.	- P. QLĐT; - Khoa, Bộ môn; - Giảng viên biên soạn; - TT Thư viện.	Tháng 7, 8/2017 và tháng 01, 02/2018	- KH rà soát được duyệt; - Phiếu giới thiệu nguồn cung cấp tài liệu; - BC KQ rà soát ĐC.
2.3	100% chương trình đào tạo có Bản mô tả chương trình.	- Đăng ký CT bổ sung bản mô tả; - Thành lập tổ chuyên gia xây dựng bản mô tả CTĐT; - Xây dựng bản mô tả CTĐT	- P. QLĐT; - Các khoa.	Trong năm học	Bản mô tả CTĐT được phê duyệt.
3.1	Trong năm học có ít nhất 5% giảng viên đi NCS.	- Quy hoạch GV đi NCS năm học; - QĐ cử đi NCS trong năm học.	P. TC-CB	Tháng 6/2018	Danh sách GV đi NCS trong năm.
3.2	Phần đầu tỉ lệ giảng viên giảng có trình độ Tiến sĩ đạt từ 26% trở lên.	- Kế hoạch rà soát, kiểm tra tiến độ thực hiện của các NCS; - Thông báo nhắc nhở các NCS; - Tiêu chí tuyển dụng giảng viên.	P. TC-CB	Trong năm học	Danh sách CBGV có học vị TS.
3.3	Trên 17% giảng viên có thể giảng dạy các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh.	- Tiêu chuẩn GV có thể giảng dạy chuyên ngành bằng Tiếng Anh; - DS GV giảng có thể giảng dạy bằng Tiếng Anh; - Kế hoạch bổ sung năng lực Tiếng Anh cho đội ngũ GV.	P. TC-CB	Tháng 5/2018	Danh sách GV có thể giảng dạy bằng T. Anh.

3.4	27% giảng viên có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.	- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng Tiếng Anh giao tiếp cho CBGV; - DS rà soát và cử CBGV tham gia khóa học tiếng Anh giao tiếp.	- P. TC-CB; - Các khoa.	Trong năm học	D. sách GV có khả năng giao tiếp bằng T.Anh.
4.1	Người học được đánh giá, phân loại kết quả học tập, rèn luyện 2 lần/ năm đúng quy định.	- Kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả chấm bài, lên điểm từng HP. - Tổng hợp kết quả học tập của SV theo từng học kỳ của các lớp; - Phân loại học tập rèn luyện của SV theo từng học kỳ;	- Các khoa; - P. QLĐT; - P. CT HSSV	Tháng 01 và tháng 6, 7/2018	- Báo cáo KQ kiểm tra, đánh giá; - KQ phân loại được cập nhật Website.
4.2	Phấn đấu trên 70% sinh viên tốt nghiệp sau 1 năm có việc làm đúng ngành hoặc ngành gần.	- Kế hoạch tư vấn việc làm cho SV trước khi tốt nghiệp; - Kế hoạch và Báo cáo KQ tổ chức hội chợ việc làm; - Kế hoạch và KQ khảo sát người học sau tốt nghiệp và nhà tuyển dụng.	- P. CT HSSV; - P. QLĐT; - Các khoa.	Trước tháng 6/2018	Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm
4.3	Phấn đấu trên 90% sinh viên tốt nghiệp được cập nhật đầy đủ cơ sở dữ liệu về tình hình việc làm và thu nhập.	- Thống kê sinh viên tốt nghiệp năm 2016 hệ chính qui; - Xây dựng KH thăm dò người TN; - Triển khai KH, tiếp nhận thông tin, - Xử lý và cập nhật thông tin về cựu HSSV.	P. CT HSSV	Tháng 01/2018	Cơ sở dữ liệu về sinh viên sau tốt nghiệp được công bố.
5.1	100% Giảng viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.	- Kế hoạch về hoạt động KH&CN của từng GV và từng bộ môn; - Kế hoạch đôn đốc và KQ kiểm tra hoạt động KH&CN; - Báo cáo kết quả kiểm tra hoạt động KH&CN.	- P. QL KH&CN; - Các đơn vị.	Tháng 5/2018	Báo cáo kết quả hoạt động KH&CN.
5.2	Nhà trường được giao mới: 02 nhiệm vụ khoa học cấp NN hoặc tương đương, 05 nhiệm vụ cấp Bộ và 06 nhiệm vụ cấp Tỉnh.	- Đăng ký nhiệm vụ NCKH các cấp; - Thành lập hội đồng và tổ chức tư vấn, tuyển chọn các đề tài; - Thông báo kết quả tuyển chọn ĐT - Hoàn thiện hồ sơ, hỗ trợ các chủ nhiệm đề tài tham gia đấu thầu; - Tuyển chọn, giao nhiệm vụ đề tài cấp trường theo đề xuất.	- P. QL KH&CN; - Hội đồng tư vấn	Trong năm học	QĐ giao nhiệm vụ KH&CN của cấp trên.
5.3	Tổ chức được ít nhất 01 Hội thảo quốc gia và 04 Hội thảo liên trường.	- Xây dựng kế hoạch, tuyển chọn và chỉ định tổ chức Hội thảo khoa học; - Ký thỏa thuận tổ chức Hội thảo; - Tổ chức triển khai các Hội thảo theo kế hoạch.	- P. QL KH&CN; - P. HTQT; - Các đơn vị chủ trì.	Trong năm học	Báo cáo Kỳ yếu của 05 Hội thảo
5.4	Số lượng dự án, bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí KH chuyên ngành tăng 5% so với năm học trước.	- Kế hoạch Kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các cá nhân thực hiện đúng tiến độ Kế hoạch hoạt động KH&CN. - Báo cáo kết quả kiểm tra - Báo cáo Tổng kết hoạt động KH&CN năm học.	- Các khoa; - P. QL KH&CN	Trước tháng 6/2018	- BC tổng kết hoạt động KH&CN. - BC thống kê công trình KH, bài báo..
6.1	Thực hiện được ít nhất 01 chương trình liên kết đào tạo với các trường ĐH nước ngoài.	- Thông báo tuyển sinh chương trình liên kết đào tạo; - Quyết định trúng tuyển sinh viên các ngành LKĐT; - Kế hoạch đào tạo các lớp LKĐT.	- P. HTQT; - KKTQTKD - TT. GDQT	Tháng 12/2017	QĐ tuyển sinh các ngành LKĐT
6.2	Thực hiện được ít nhất 01 chương trình trao đổi GV, SV với trường ĐH nước ngoài.	- Thông báo tuyển sinh chương trình trao đổi cán bộ, HSSV; - Kế hoạch tuyển chọn nguồn lực; - Quyết định cử CB, HSSV tham gia chương trình trao đổi.	- P. HTQT; - Các khoa.	Trong năm học	QĐ cử CB, HSSV tham gia chương trình trao đổi.

6.3	Thực hiện được ít nhất 01 chương trình hợp tác NCKH mới với các trường đại học nước ngoài.	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyển chọn nội dung, chương trình và tổ chức đề hợp tác; - Thành lập các nhóm nghiên cứu đề hợp tác; xây dựng CT hợp tác; - QĐ phê duyệt đề tài NCKH. - Báo cáo kết quả triển khai CT hợp tác về HĐ NCKH. 	<ul style="list-style-type: none"> - P. HTQT; - TT. GDQT; - Các khoa, nhóm nghiên cứu. 	Trong năm học	Đề tài NCKH hợp tác được phê duyệt.
7.1	Đảm bảo ít nhất 70% số HP của các CTĐT đủ GT, TL phục vụ dạy học.	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành văn bản và tổ chức rà soát TL, GT phục vụ dạy học theo từng ĐCCTHP; - Báo cáo kết quả rà soát và giới thiệu nguồn cung cấp GT, TL theo ĐC; - Lập KH, tổ chức mua sắm bổ sung GT, TL, thiết bị, còn thiếu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các Khoa, bộ môn; - Giảng viên; - TT - TV 	Trong năm học	Biên bản nhiệm thu và đưa cơ sở VC vào sử dụng.
7.2	Mỗi ngày có ít nhất 200 lượt sinh viên đến thư viện.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và công khai bộ quy tắc ứng xử trong thư viện trường; - Tổ chức lấy ý kiến nhận xét của bạn đọc về chất lượng phục vụ; - Thống kê, phân tích, thông báo tình hình bạn đọc đến thư viện đọc và mượn tài liệu. 	<ul style="list-style-type: none"> - TT – TV; - Các khoa 	Trong năm học	Thống kê DS HSSV đến thư viện.
7.3	Có ít nhất 10 tài liệu dạy, học do CBGV nhà trường biên soạn được xuất bản;	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức đăng ký, tuyển chọn nhóm và tác giả biên soạn; - QĐ thành lập các hội đồng thẩm định và QĐ biên soạn GT, TL; - Báo cáo KQ kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các cá nhân, nhóm tác giả; - QĐ thành lập nghiệm thu GT, TL; - Xuất bản và nộp thư viện. 	<ul style="list-style-type: none"> - P. QLĐT; - Các khoa. 	Trong năm học	Tài liệu phục vụ dạy, học đã xuất bản.
8.1	100% thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH được kiểm soát và bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo KQ chuyển giao CN, kỹ thuật sử dụng thiết bị dạy học. - Tổng hợp thiết bị phục vụ ĐT&NCKH. - Sổ theo dõi hoạt động của từng thiết bị; - Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị 	<ul style="list-style-type: none"> P. QTVTTB; Các khoa 	Trong năm học	<ul style="list-style-type: none"> - Danh mục M.móc, T. bị; - Kết quả bảo dưỡng.
8.2	Hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị đạt trên 70%.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhật ký hoạt động của máy móc thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH; - Báo cáo thống kê thời gian sử dụng và hoạt động của máy móc, thiết bị; - Kế hoạch và báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá việc quản lý, sử dụng thiết bị dạy học. 	<ul style="list-style-type: none"> P. QTVTTB; Các khoa 	Trong năm học	Báo cáo tình hình sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ ĐT&NCKH
8.3	100% Kỹ thuật viên được đánh giá về kết quả phục vụ, mức hài lòng đạt >70%.	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch lấy ý kiến của các đối tượng có liên quan; - Tổ chức lấy ý kiến; - Tổng hợp, xử lý và báo cáo kết quả lấy ý kiến; - Kế hoạch cải tiến lề lối làm việc. 	<ul style="list-style-type: none"> -P. QTVTTB - Các khoa; - TT - TV 	Tháng 6/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch; - Kết quả lấy; - KH cải tiến.
9	Tổ chức tự đánh giá và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá ít nhất 10 chương trình đào tạo.	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch tự đánh giá CTĐT; - Thành lập các Tổ đánh giá chất lượng CTĐT; - Báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn và hồ sơ minh chứng TĐG CTĐT; 	<ul style="list-style-type: none"> P. ĐBCL&KT 	Tháng 06/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tự đánh giá của các Khoa; - Danh mục HSMC.

10.1	100% Kế hoạch, nhiệm vụ của các đơn vị được kiểm soát, theo dõi.	- Xây dựng kế hoạch thực hiện MTCL của từng đơn vị; - Theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện của các đơn vị.	- Các đơn vị; - P. HCTH.	Tháng 6/2018	- Báo cáo tháng; - Báo cáo kết quả đánh giá.
10.2	100% ý kiến chỉ đạo của Ban giám hiệu được kiểm soát, theo dõi và đánh giá.	- Trình công văn đến kèm theo bút phê của Hiệu trưởng; - Chuyển bút phê và công văn đến các cá nhân, đơn vị theo chỉ đạo; - Mở sổ theo dõi, kiểm soát, đôn đốc và đánh giá mức độ hoàn thành của các đơn vị, cá nhân theo yêu cầu.	P. HCTH	Theo yêu cầu của công văn	- Sổ theo dõi; - Văn bản triển khai và Báo cáo kết quả.
11.1	100% đơn vị, đoàn thể nhận diện rủi ro theo chức năng, nhiệm vụ.	- Xác định hệ quả tiềm ẩn và các khả năng có thể xảy ra các rủi ro trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; - Xác định mức độ quan tâm và sẵn sàng hành động của Ban giám hiệu.	Các đơn vị	Trong năm học	Bảng nhận diện rủi ro
11.2	100% nhiệm vụ có mức rủi ro cao được xây dựng Kế hoạch hoặc quy trình ngăn ngừa	- Xác định đúng các nhiệm vụ có mức rủi ro cao; - Xây dựng Kế hoạch hoặc quy trình ngăn ngừa rủi ro phù hợp với từng đơn vị, từng nhiệm vụ cụ thể.	Các đơn vị	Trong năm học	Kế hoạch hoặc quy trình ngăn ngừa kết quả không mong đợi
12	Thực hiện đánh giá nội bộ 01 lần/năm và khắc phục các lỗi đúng thời gian;	- Xây dựng chương trình, thành lập đoàn chuyên gia đánh giá nội bộ; - Tổ chức đánh giá nội bộ; - Báo cáo kết quả đánh giá và Kế hoạch khắc phục các lỗi sau ĐGNB.	Ban ISO	Tháng 5/2018	Báo cáo kết quả ĐGNB và Kế hoạch khắc phục

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị, tổ chức đoàn thể;
- Lưu: VT, P. ĐBCL&KT.

HIỆU TRƯỞNG - TRƯỞNG BAN ISO



Nguyễn Mạnh An